

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Châu Thành, ngày 23 tháng 4 năm 2024

Số: 154/2024/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 174/2024/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Anh **Phan Tuấn D**, sinh năm 1989; địa chỉ: **ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang**.

2. Chị **Nguyễn Thị Ni N**, sinh năm 1989; địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn thuận tình ly hôn đề ngày 26/3/2024 của anh **Phan Tuấn D** và chị **Nguyễn Thị Ni N**, anh chị cùng trình bày:

Chị **N** và anh **D** tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, tuy nhiên đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cự cãi. Nay chị **N** và anh **D** xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn. Chị **N** và anh **D** không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị **N** và anh **D** trình bày giữa anh chị có 03 con chung là **Phan Nguyễn Tuấn M**, sinh ngày 12/10/2009; **Phan Nguyễn Tuấn V**, sinh ngày 14/10/2012 và **Phan Nguyễn Tú Q**, sinh ngày 09/02/2015. Khi ly hôn, chị **N** và anh **D** thống nhất, chị **N** nuôi con, anh **D** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 15/04/2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Nguyễn Thị Ni N** và anh **Phan Tuấn D** thuận tình ly hôn. Chị **Nguyễn Thị Ni N** và anh **Phan Tuấn D** không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- *Về con chung:* 03 con chung là **Phan Nguyễn Tuấn M**, sinh ngày 12/10/2009; **Phan Nguyễn Tuấn V**, sinh ngày 14/10/2012 và **Phan Nguyễn Tú Q**, sinh ngày 09/02/2015. Khi ly hôn, chị **N** và anh **D** thống nhất, chị **N** trực tiếp nuôi 03 con chung, anh **D** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi con một triệu đồng. Thời gian cấp dưỡng từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho khi 03 con chung đủ 18 tuổi. Việc chị **N** nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị **N**, anh **D** có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Hai bên khai không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Là 300.000 đ (Ba trăm nghìn) đồng. Chị **Nguyễn Thị Ni N** và anh **Phan Tuấn D** mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn) đồng mà chị **Nguyễn Thị Ni N** đã tự nguyện nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000332 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị **Nguyễn Thị Ni N** và anh **Phan Tuấn D** đã nộp lệ phí xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Kinh v;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN THỊ THANH LAN